

b) Ngoài ra, còn có 2 khoản thu không đạt dự toán:

- Thuế bảo vệ môi trường 79.225 triệu đồng, đạt 48,6% so với dự toán năm và bằng 135,72% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí, lệ phí 32.825 triệu đồng, đạt 36,47% so với dự toán năm và bằng 177,43% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu -212.564 triệu đồng là do trong quý II năm 2018 đã thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng với tổng số tiền là 774.548 triệu đồng. Ngoài ra, các khoản thu còn lại đều vượt trên 50% so với dự toán năm như: Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu 462.136 triệu đồng, đạt 51,93% so với dự toán năm và bằng 418,26% so với cùng kỳ năm trước; thuế nhập khẩu 99.623 triệu đồng, đạt 184,49% so với dự toán năm và bằng 1.289,28% so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo Biểu số 60/CK-NSNN đính kèm)

II. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng quý II năm 2018 là 4.815.324 triệu đồng, đạt 49,44% so với dự toán năm và bằng 278,49% so với cùng kỳ năm trước; trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương:

a) Chi đầu tư phát triển 1.395.683 triệu đồng, đạt 82,21% so với dự toán năm và bằng 279,69% so với cùng kỳ năm trước. Số chi đầu tư đạt cao là do các chủ đầu tư thanh toán từ nguồn chi chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018 tiếp tục sử dụng, chi từ nguồn kết dư ngân sách địa phương năm 2017; chi trích lập Quỹ Phát triển đất 43.230 triệu đồng, đạt 205,86% so với dự toán và bằng 480,33% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do trong năm 2018 đã thực hiện trích lập thêm 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất vượt dự toán năm 2017 với số tiền là 22.230 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên 2.728.493 triệu đồng đạt 48,98% so với dự toán năm và bằng 87,92% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình 505.980 triệu đồng, đạt 71,8% so với dự toán năm và bằng 290,03% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp y tế đạt cao là do thực hiện mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước hỗ trợ ngay từ đầu năm, chi chương trình mục tiêu y tế dân số từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

- Chi bảo đảm xã hội 124.178 triệu đồng, đạt 62,08% so với dự toán năm và bằng 23,18% so với cùng kỳ năm trước. Chi bảo đảm xã hội đạt cao so với dự toán năm là do thực hiện hỗ trợ đối tượng hộ nghèo, hộ gia đình chính sách nhân dịp tết Nguyên đán và chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 3.609 triệu đồng, đạt 13,12% so với dự toán năm và bằng 41,72% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ đạt tỷ lệ thấp nguyên nhân là do một số đề tài dự án năm 2018 triển khai chậm.

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 17.604 triệu đồng, đạt 19,69% so với dự toán năm và bằng 158,34% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp môi trường đạt tỷ lệ thấp là do cần phải phối hợp với các ngành, các địa phương để chọn dự án cấp thiết để thực hiện nên các dự án này triển khai chậm.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

Tổng chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương 681.752 triệu đồng, đạt 29,39% so với dự toán năm. Trong đó, chi chương trình mục tiêu quốc gia 16.900 đạt tỷ lệ thấp là do văn bản hướng dẫn của cơ quan trung ương về hướng dẫn đối tượng, phạm vi phân bổ vốn chậm, dẫn đến địa phương phân khai vốn chậm nên ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân; chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư 382.964 triệu đồng đạt 27,95% so với dự toán năm nguyên nhân là do các chủ đầu tư điều chỉnh khối lượng giải ngân kế hoạch vốn năm 2018 sang thanh toán từ nguồn vốn năm 2017 được phép kéo dài sang năm 2018 theo quy định.

(Chi tiết theo Biểu số 61/CK-NSNN đính kèm)

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng quý II năm 2018./.





SỞ TÀI CHÍNH

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 2711/STC-NS, ngày 13/7/2018 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.710.000	3.622.463	97,64	354,18
I	Thu cân đối NSNN	3.710.000	1.526.281	41,14	193,37
1	Thu nội địa	2.766.000	1.738.845	62,86	226,03
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	944.000	-212.564	-22,52	180,24
4	Thu viện trợ	0	0		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.096.182		897,81
B	TỔNG CHI NSDP	9.739.705	4.815.324	49,44	278,49
I	Chi cân đối NSDP	7.420.265	4.133.572	55,71	239,06
1	Chi đầu tư phát triển	1.697.640	1.395.683	82,21	279,69
2	Chi thường xuyên	5.570.855	2.728.493	48,98	87,92
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.900	0	0,00	0,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,00	100,00
5	Dự phòng ngân sách	147.870	8.396	5,68	0,00
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.319.440	681.752	29,39	0,00
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	26.800			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	20.000	10.040	50,20	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 2711/STC-NS, ngày 13/7/2018 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.710.000	1.526.280	41,14	193,37
I	Thu nội địa	2.766.000	1.738.845	62,86	226,03
1	Thu từ khu vực DNNN	148.000	75.458	50,99	36,74
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100.000	53.687	53,69	147,53
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	850.000	497.978	58,59	190,13
4	Thuế thu nhập cá nhân	255.000	149.861	58,77	127,68
5	Thuế bảo vệ môi trường	163.000	79.225	48,60	135,72
6	Lệ phí trước bạ	140.000	70.650	50,46	107,91
7	Thu phí, lệ phí	90.000	32.825	36,47	177,43
8	Các khoản thu về nhà, đất	93.000	81.695	87,84	154,73
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	3.000	2.921	97,37	104,51
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	70.000	63.526	90,75	97,62
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	20.000	15.248	76,24	68,61
-	<i>Tiền cho thuê nhà và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	826.000	592.504	71,73	112,48
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, thu khác tại	6.000	3.914	65,23	1.242,54
13	Thu khác ngân sách	95.000	101.048	106,37	268,75
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	944.000	-212.564	-22,52	180,24
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	890.000	462.136	51,93	418,26
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu	54.000	99.623	184,49	1.289,28
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		163		16.300,00
6	Thu khác		62		26,50
7	Hoàn thuế GTGT		-774.548		327,66
IV	Thu viện trợ				
B	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.601.600	1.651.240	63,47	200,13
1	Từ các khoản thu phân chia	1.506.800	802.011	53,23	125,76
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.094.800	849.229	77,57	115,55



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 2711/STC-NS, ngày 13/7/2018 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSĐP	9.739.705	4.815.324	49,44	278,49
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	7.420.265	4.133.572	55,71	239,06
I	Chi đầu tư phát triển	1.697.640	1.395.683	82,21	279,69
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.676.640	1.352.453	80,66	164,91
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	21.000	43.230	205,86	480,33
II	Chi thường xuyên	5.570.855	2.728.493	48,98	87,92
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.445.333	1.234.953	50,50	124,64
2	Chi khoa học và công nghệ	27.510	3.609	13,12	41,72
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	704.673	505.980	71,80	290,03
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	44.627	18.250	40,89	103,32
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	13.369	6.158	46,06	64,48
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30.310	11.315	37,33	145,23
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	89.424	17.604	19,69	158,34
8	Chi sự nghiệp kinh tế	631.160	318.910	50,53	130,32
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.133.502	603.707	53,26	93,77
10	Chi bảo đảm xã hội	200.014	124.178	62,08	23,18
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.900		0,00	0,00
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,00	100,00
V	Dự phòng ngân sách	147.870	8.396	5,68	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	2.319.440	681.752	29,39	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	210.223	16.900	8,04	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.370.128	382.964	27,95	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	528.866	281.888	53,30	